

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HỆN PHÚ LƯƠNG  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/KDTM-ST

Ngày 25-7-2022

V/v Tranh chấp hợp đồng  
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Ngọc Linh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Hoàng Ngọc Phiến.

2. Bà Ninh Thị Tám.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Bùi Đức Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Phú Lương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Phú Lương tham gia phiên tòa:***  
Ông Nguyễn Minh Tôn, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2022/TLST-KDTM ngày 23 tháng 3 năm 2022 về việc Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-KDTM ngày 20 tháng 6 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần G (A). Địa chỉ: Khu công nghiệp tập trung vừa và nhỏ K, xã V, Huyện L, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Trung D, chức vụ: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần G (A).

- Bị đơn: Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1. Địa chỉ: xóm Đ, xã C, Huyện P, tỉnh T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Quang H, chức vụ Giám đốc Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty Cổ phần G(A), người đại diện là ông Hoàng Trung D, Tổng giám đốc trình bày:*

Ngày 01/8/2018, Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 do ông Phan Quang H

là Giám đốc ký hợp đồng mua bán xăng dầu và dầu mỡ nhờn đối với công ty Cổ phần G(A), nội dung giao kết như trong hợp đồng số 114/A-ANH HĐKT 08/2018.

Ngày 11/8/2018, Công ty Cổ phần G(A) đã giao cho Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 18.303 lít dầu DIEZEL 0.05S-II, giá 15.936,36 đồng/lít; thành tiền là 291.683.197đ (hai trăm chín mươi một triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn một trăm chín mươi bảy đồng); thuế GTGT là 29.168.320đ (hai mươi chín triệu một trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm hai mươi đồng); tổng số tiền Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 phải thanh toán cho Công ty Cổ phần G(A) là 320.851.517đ (ba trăm hai mươi triệu tám trăm năm mươi một nghìn năm trăm mười bảy đồng), theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001763 ngày 11/8/2018.

Từ thời điểm chốt công nợ đến ngày 19/9/2019, Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 đã trả được cho Công ty Cổ phần G(A) số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) vào ngày 19/9/2019.

Công ty Cổ phần G(A) xác định:

+ Đến ngày 20/10/2021 Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 còn nợ Công ty Cổ phần G(A) số tiền 300.851.517đ (ba trăm triệu tám trăm năm mươi một nghìn năm trăm mười bảy đồng) tiền hàng và 80.548.167đ (tám mươi triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn một trăm sáu mươi bảy đồng) tiền lãi.

+ Đến ngày 06/6/2022 Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 còn nợ Công ty Cổ phần G(A) số tiền 300.851.517đ (ba trăm triệu tám trăm năm mươi một nghìn năm trăm mười bảy đồng) tiền hàng và 86.941.262đ (tám mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi một nghìn hai trăm sáu mươi hai đồng) tiền lãi.

+ Tại phiên tòa, Công ty Cổ phần G(A) yêu cầu Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 thanh toán toàn bộ số tiền gốc là 300.851.517đ (ba trăm triệu tám trăm năm mươi một nghìn năm trăm mười bảy đồng) tiền hàng và 99.832.543 (chín mươi chín triệu tám trăm ba mươi hai nghìn năm trăm bốn mươi ba đồng) tiền lãi.

Tài liệu, chứng cứ Công ty Cổ phần G(A) giao nộp gồm:

- 01 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 31/12/2003.

- 01 Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp số 232535/21 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 20/7/2021

- 01 căn cước công dân (bản sao);

- 01 biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 31/12/2018;

- 01 biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 30/6/2019.

- 01 giấy báo có ngày 19/9/2019;

- 01 hóa đơn giá trị gia tăng số 0001763 ngày 11/8/2018;

- 01 hợp đồng mua bán xăng dầu mỡ nhờn số 114/A-ANH HĐKT 08/2018 ngày 01/8/2018.

*Tại Bản tự khai và biên bản ghi lời khai, bị đơn Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1, người đại diện ông Phan Quang H, Giám đốc trình bày:*

Ngày 01/8/2018, Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 ký hợp đồng mua bán xăng dầu và dầu mỡ nhờn đối với công ty Cổ phần G(A), nội dung giao kết như trong hợp đồng số 114/A-ANH HĐKT 08/2018. Quá trình thực hiện hợp đồng, bên Công ty Cổ phần G(A) đã giao cho Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 tổng số 18.303 lít dầu DIEZEL 0.05S-II, giá 15.936,36 đồng/lít; thành tiền là 291.683.197 đồng (hai trăm chín mươi một triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn một trăm chín mươi bảy đồng); thuế GTGT là 29.168.320 đồng (hai mươi chín triệu một trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm hai mươi đồng); tổng số tiền Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 phải thanh toán cho Công ty Cổ phần G(A) là 320.851.517 đồng (ba trăm hai mươi triệu tám trăm năm mươi một nghìn năm trăm mười bảy đồng); theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001763 ngày 11/8/2018.

Từ thời điểm chốt công nợ đến nay Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 đã trả được cho Công ty Cổ phần G(A) số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Sau đó Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 không liên hệ được với người bán hàng trực tiếp cho công ty là anh Tuấn, số điện thoại 0982.737373. Sau đó anh Tuấn có đến Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 sửa xe của anh Tuấn hết 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng). Anh Tuấn có nói sẽ lấy số tiền này để bù trừ cho khoản nợ của Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 còn nợ Công ty Cổ phần G(A). Sau đó Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 không liên lạc được với anh Tuấn nữa.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 06/6/2022, Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 xác định còn nợ Công ty Cổ phần G(A) là 300.851.517đ (ba trăm triệu tám trăm năm mươi một nghìn năm trăm mười bảy đồng) tiền hàng và 86.941.262đ (tám mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi một nghìn hai trăm sáu mươi hai đồng) tiền lãi. Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 sẽ có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần G(A) cả gốc và lãi.

Tuy nhiên hiện nay do tình hình làm ăn khó khăn nên Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 đề xuất hai phương án trả nợ: Một là, Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 sẽ trả mỗi tháng 10.000.000đ (mười triệu đồng) cho Công ty Cổ phần G(A) cho đến khi hết cả nợ gốc và lãi. Hai là, Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 sẽ trả mỗi quý 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) cho Công ty Cổ phần G(A) cho đến khi hết cả nợ gốc và lãi. Về phần án phí Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 sẽ tự nguyện chịu án phí theo quy định.

Tài liệu, chứng cứ Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 cung cấp: Không có.

- Tại phiên hòa giải ngày 06/6/2022:

+ Những vấn đề thống nhất được: Công ty Cổ phần G(A) và công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 thống nhất được số nợ là 300.851.517đ (ba trăm triệu tám trăm năm mươi một nghìn năm trăm mười bảy đồng) tiền hàng và 86.941.262đ (tám mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi một nghìn hai trăm sáu mươi hai đồng) tiền lãi

+ Những vấn đề không thống nhất được:

Công ty Cổ phần G(A) yêu cầu Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 phải

thanh toán một lần toàn bộ số tiền trên, không chấp nhận các phương án trả nợ của bị đơn đưa ra.

Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 xác định: đề xuất hai phương án trả nợ: Một là, Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 sẽ trả mỗi tháng 10.000.000đ (mười triệu đồng) cho Công ty Cổ phần G(A) cho đến khi hết cả nợ gốc và lãi. Hai là, Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 sẽ trả mỗi quý 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) cho Công ty Cổ phần G(A) cho đến khi hết cả nợ gốc và lãi.

- Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, yêu cầu Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 phải thanh toán 01 lần toàn bộ số nợ gốc là 300.851.517đ (ba trăm triệu tám trăm năm mươi một nghìn năm trăm mười bảy đồng) và số nợ lãi cho đến ngày xét xử là 99.832.543đ (chín mươi chín triệu tám trăm ba mươi hai nghìn năm trăm bốn mươi ba) đồng.

Việc Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 xác định anh Tuấn của Công ty Cổ phần G(A) có sửa xe tại Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 hết 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) và thỏa thuận trừ vào số công nợ của Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 với Công ty Cổ phần G(A), Công ty Cổ phần G(A) xác định cuối năm 2018 anh Tuấn đã không làm việc tại Công ty Cổ phần G(A), việc anh Tuấn sửa xe tại Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1, Công ty Cổ phần G(A) xác định không liên quan đến khoản tiền này và không chấp nhận việc sửa xe trừ nợ vì đó là xe của cá nhân anh Tuấn.

Tại phần tranh tụng tại phiên tòa: Đương sự không có ý kiến tranh luận.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện Phú Lương tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Công ty A khởi kiện ra Tòa án nhân dân Hện Phú Lương yêu cầu Công ty H1 trả số tiền bán hàng cho công ty A 300.851.517 đồng và tiền lãi như theo thỏa thuận của hợp đồng là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Căn cứ Điều 30, 35, 147, 357, 468 BLTTDS; Điều 35, 37, 50, 54, 55, 87, 306, Luật thương mại 2005. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần G-A, buộc Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 trả cho Công ty A số tiền mua hàng là 300.851.517đ (ba trăm triệu tám trăm năm mươi một nghìn năm trăm mười bảy đồng) và số tiền lãi chậm thanh toán theo hợp đồng mua hàng số 114/A-ANH HĐKT 08/2018 ngày 01/08/2018. Công ty H1 phải chịu án phí dân sự theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Công ty Cổ phần G(A) khởi kiện công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 yêu cầu công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 thanh toán cho Công ty Cổ phần G(A) tiền hàng và tiền lãi do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa; có đăng ký kinh doanh và giao kết với nhau vì mục đích lợi nhuận nên đây là vụ án kinh doanh thương mại, quan hệ pháp luật tranh chấp là Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo quy định tại khoản 1 điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quyền khởi kiện: Công ty Cổ phần G(A) có tư cách pháp nhân theo quy định tại Điều 74 Bộ luật dân sự, có quyền khởi kiện công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tại Điều 8, mục 8.2 Hợp đồng số 114/A-ANH HĐKT 08/2018 ngày 01/8/2018 các bên thỏa thuận: “Trong quá trình thực hiện hợp đồng mà phát sinh tranh chấp, ..., trong trường hợp không giải quyết được thì một trong các bên có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án kinh tế Hà Nội giải quyết theo quy định của pháp luật”. Xét thỏa thuận về lựa chọn Tòa án giải quyết tranh chấp của các bên là chưa phù hợp với quy định của pháp luật.

Bị đơn là Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 có địa chỉ tại xóm Đồi Chè, xã Cổ Lũng, Hện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Hện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa vắng mặt đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Xét hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty Cổ phần G(A) và Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1:

- Về chủ thể tiến hành giao kết hợp đồng: Công ty Công ty Cổ phần G(A) và Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 đều có tư cách pháp nhân, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, được tham gia giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa. Các đương sự đều tham gia giao dịch hợp đồng mua bán hàng hóa hoàn toàn tự nguyện, không bị đe dọa, cưỡng ép.

- Mục đích của hợp đồng có mục đích lợi nhuận.

- Về hình thức hợp đồng mua bán hàng hóa phù hợp với quy định tại điều 24 Luật Thương mại năm 2005.

- Về nội dung hợp đồng: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn là Cổ phần G(A) cung cấp, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, xác định:

Ngày 01/8/2018, Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 (Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1) có ký hợp đồng mua bán xăng dầu và dầu mỡ nhờn đối với công ty Cổ phần G(A), nội dung giao kết trong hợp đồng số 114/A-ANH HĐKT 08/2018,

nội dung hợp đồng như sau:

**“Điều 1: Hàng hóa, số lượng, chất lượng:**

**1.1. Hàng hóa, số lượng:** Bên A bán hàng cho Bên B với số lượng dự kiến như sau:

- Dầu Diezen 0.05%S-II: 30.000 lít/tháng.
- Dầu mỡ nhờn các loại: 600 lít/tháng.

**1.2. Chất lượng:**

- Đối với xăng dầu: Theo tiêu chuẩn cơ sở do thương nhân đầu mối công bố, áp dụng và phù hợp với tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành.
- Đối với dầu mỡ nhờn: Theo tiêu chuẩn A công bố, áp dụng và phù hợp với tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành”

....

**“3.2. Hình thức thanh toán:** CHền khoản

Số tài khoản 15110000002015 tại Ngân hàng BIDV chi nhánh Thành Đô.

Đơn vị thụ hưởng: Công ty CP Phát triển phụ gia và sản phẩm dầu mỡ

**3.3. Phương thức thanh toán và đối chiếu công nợ, bảo lãnh thanh toán**

...

**3.3.2. Thời hạn thanh toán:** Bên A đồng ý cho bên B mua hàng trả chậm thỏa mãn hai điều kiện như sau:

Điều kiện 01: ...

Điều kiện 02: Số ngày dư nợ của 01 đơn hàng không vượt quá 30 ngày (ba mươi ngày).

**3.3.4.** Trong trường hợp bên B không thanh toán cho bên A theo đúng thời gian quy định của hợp đồng này thì bên B sẽ phải chịu lãi suất theo quy định là 8,5%/năm nhân với số ngày chậm trả. Số tiền lãi phát sinh do chậm trả nợ được trừ vào chiết khấu của đơn hàng tiếp theo...

**Điều 6: Chấm dứt hợp đồng:**

**6.3.** Trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng do sự vi phạm hợp đồng của một trong các bên: Bên vi phạm hợp đồng có nghĩa vụ bồi thường cho bên kia đối với toàn bộ tổn thất, thiệt hại cũng như chi phí liên quan mà bên bị vi phạm phải gánh chịu do vi phạm hợp đồng gây ra”.

Như vậy, nội dung của hợp đồng mua bán hàng hóa không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức, xã hội.

[3] Xét quá trình thực hiện hợp đồng:

Ngày 11/8/2018, Công ty Cổ phần G(A) đã giao cho Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 18.303 lít dầu DIEZEL 0.05S-II, giá 15.936,36 đồng/lít ; thành tiền là 291.683.197đ (hai trăm chín mươi một triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn một trăm chín mươi bảy đồng); thuế GTGT là 29.168.320đ (hai mươi chín triệu một trăm sáu

mười tám nghìn ba trăm hai mươi đồng); tổng số tiền Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 phải thanh toán cho Công ty Cổ phần G(A) là 320.851.517đ (ba trăm hai mươi triệu tám trăm năm mươi một nghìn năm trăm mười bảy đồng). (Theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001763 ngày 11/8/2018). Công ty Cổ phần G(A) đã thực hiện đúng nghĩa vụ của bên A (bên bán).

Hết thời hạn 30 (ba mươi) ngày theo thỏa thuận nêu tại mục 3.3.2 của Hợp đồng, Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 không phát sinh đơn hàng mới, phải có nghĩa vụ thanh toán đơn hàng ngày 11/8/2018. Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 không thanh toán đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán thỏa thuận trong hợp đồng mua bán hàng hóa số 114/A-ANH HĐKT 08/2018, vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại khoản 1 điều 50 Luật Thương mại năm 2005.

Ngày 31/12/2018 và 30/6/2019, Công ty Cổ phần G(A) đối chiếu và xác nhận công nợ với Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1, công nợ cuối kỳ là 320.851.517 đồng (*ba trăm hai mươi triệu tám trăm năm mươi một nghìn năm trăm mười bảy đồng*).

Căn cứ Giấy báo có ngày 19/9/2019 do Công ty Cổ phần G cung cấp, lời khai của nguyên đơn, bị đơn, xác định, Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 đã trả được cho Công ty Cổ phần G(A) số tiền 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*) là đúng. Như vậy, dư nợ tính đến thời điểm ngày 20/9/2019 còn lại là 300.851.517 đồng (*ba trăm triệu tám trăm năm mươi một nghìn năm trăm mười bảy đồng*).

Tại phiên hòa giải ngày 06/6/2022, các đương sự đều xác định Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 còn nợ Công ty Cổ phần G(A) 300.851.517đ (ba trăm triệu tám trăm năm mươi một nghìn năm trăm mười bảy đồng) tiền hàng và 86.941.262đ (tám mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi một nghìn hai trăm sáu mươi hai đồng) tiền lãi.

Tại phiên tòa, Công ty Cổ phần G(A) yêu cầu: Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 phải trả số tiền gốc là 300.851.517đ (ba trăm triệu tám trăm năm mươi một nghìn năm trăm mười bảy đồng) và số tiền lãi tính đến ngày 25/7/2022 là 99.832.543đ (chín mươi chín triệu tám trăm ba mươi hai nghìn năm trăm bốn mươi ba đồng); kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng mua bán hàng hóa. Công ty Cổ phần G(A) không yêu cầu bên vi phạm bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

HĐXX nhận thấy có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần G(A).

Về tiền hàng chưa thanh toán: Buộc Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 phải trả cho Công ty Cổ phần G(A) toàn bộ số tiền hàng chưa thanh toán là 300.851.517đ (*ba trăm triệu, tám trăm năm mươi một nghìn năm trăm mười bảy đồng*).

Về số tiền lãi: Theo hợp đồng mua bán ngày 01/8/2018, tại Mục 3.3.4 của Hợp đồng các bên thỏa thuận “*Trong trường hợp bên B không thanh toán cho bên A theo đúng thời gian quy định của hợp đồng này thì bên B sẽ phải chịu lãi suất theo quy định là 8,5%/năm nhân với số ngày chậm trả. Số tiền lãi phát sinh do chậm trả*”

*nợ được trừ vào chiết khấu của đơn hàng tiếp theo..”*. Thỏa thuận về lãi của các đương sự phù hợp với quy định về lãi suất tại điều 468 Bộ luật dân sự, nên cần chấp nhận

Trong đó:

+ Tính từ ngày 11/9/2018 đến hết ngày 18/9/2019 là 01 năm 07 ngày, số tiền hàng Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 chậm thanh toán cho Công ty Cổ phần G(A) là 320.851.517đ (ba trăm hai mươi triệu tám trăm năm mươi một nghìn năm trăm mười bảy đồng). Số tiền lãi phải trả là:

$[320.851.517đ * 8,5\%] * 01 \text{ năm} + [(320.851.517đ * 8,5\%) / 365 \text{ ngày} * 07 \text{ ngày}] = 27.795.410đ$  (hai mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn bốn trăm mười đồng).

+ Tính từ ngày 20/9/2019 đến ngày 25/7/2022 là 02 năm 10 tháng 05 ngày, số tiền Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 chậm thanh toán cho Công ty Cổ phần G(A) là 300.851.517đ (ba trăm triệu tám trăm năm mươi một nghìn năm trăm mười bảy đồng). Số tiền lãi phải trả là:

$[300.851.517đ * 8,5\%] * 02 \text{ năm} + [(300.851.517đ * 8,5\%) / 12 \text{ tháng} * 10 \text{ tháng}] + [(300.851.517đ * 8,5\%) / 365 \text{ ngày} * 05 \text{ ngày}] = 72.805.380đ$  (bảy mươi hai triệu tám trăm linh năm nghìn ba trăm tám mươi đồng).

Như vậy, tính từ đến ngày 25/7/2022 số tiền Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 chậm thanh toán cho Công ty Cổ phần G(A) tổng số tiền là 401.452.308đ (bốn trăm lẻ một triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn ba trăm lẻ tám đồng), trong đó tiền hàng là 300.851.517đ (ba trăm triệu tám trăm năm mươi một nghìn năm trăm mười bảy đồng); số tiền lãi phải trả là 100.600.791đ (một trăm triệu sáu trăm nghìn bảy trăm chín mươi một đồng).

- Tại phiên tòa, Công ty Cổ phần G(A) yêu cầu Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 phải trả số tiền gốc là 300.851.517đ (ba trăm triệu tám trăm năm mươi một nghìn năm trăm mười bảy đồng) và số tiền lãi tính đến ngày 25/7/2022 là 99.832.543đ (chín mươi chín triệu tám trăm ba mươi hai nghìn năm trăm bốn mươi ba đồng), tổng là 400.684.060đ (bốn trăm triệu sáu trăm tám mươi tư nghìn không trăm sáu mươi đồng). Xét yêu cầu về phần lãi suất của nguyên đơn có lợi cho phía bị đơn, đảm bảo quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự nên có căn cứ chấp nhận.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng mua bán hàng hóa số 114/A-ANH HĐKT 08/2018 ngày 01/8/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này để đảm bảo sự thỏa thuận của đương sự về mức lãi suất theo hợp đồng mua bán hàng hóa, đảm bảo tính liên tục, không bị gián đoạn của việc tính lãi suất chậm trả khoản tiền phải thanh toán.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:



- Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là  $20.000.000đ + 4\% * 684.060đ = 20.027.362đ$  (hai mươi triệu không trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm sáu mươi hai đồng).

- Công ty Cổ phần G(A) không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được trả lại cho số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.700.000đ (chín triệu bảy trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003355 ngày 22/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Hện Phú Lương.

Trong vụ án: Đại diện Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 trình bày có anh Tuấn là nhân viên của Công ty Cổ phần G(A) có đến Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 sửa xe của anh Tuấn hết 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng). Anh Tuấn có nói sẽ lấy số tiền này để bù trừ cho khoản nợ của Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 còn nợ Công ty Cổ phần G(A). Sau đó Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 không liên lạc được với anh Tuấn nữa. Anh H không cung cấp được tên, tuổi, địa chỉ của anh Tuấn và không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc trừ nợ của anh Tuấn sang cho Công ty Cổ phần G(A). Công ty Cổ phần G(A) xác định, anh Tuấn đã nghỉ việc tại công ty A từ ngày 01/12/2018. Việc sửa xe tại Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 là xe cá nhân của anh Tuấn, Công ty A không nhất trí với anh Tuấn sửa xe cá nhân để đối trừ nợ của Công ty. Do đó, HĐXX không xem xét trong vụ án này, nếu Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 có yêu cầu khởi kiện anh Tuấn sẽ được xem xét giải quyết trong một vụ án khác.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện Phú Lương là có căn cứ chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, các Điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, điều 228, 264, 266, 271, 273, 278 và điều 280 của BLTTDS năm 2015;

- Điều 146, 147, 148, 357, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 3 điều 4, điều 11, 24, 50 và điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

- Khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần G(A) đối với Công ty TNHH Cơ khí và vận tải H1.

2. Buộc Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 phải trả cho Công ty Cổ phần G(A) tổng số tiền là 400.684.060đ (bốn trăm triệu sáu trăm tám mươi tư nghìn không trăm sáu mươi đồng), trong đó: tiền hàng là 300.851.517đ (ba trăm triệu tám trăm năm mươi một nghìn năm trăm mười bảy đồng); số tiền lãi phải trả là 99.832.543đ (chín mươi chín triệu tám trăm ba mươi hai nghìn năm trăm bốn mươi

ba đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng mua bán hàng hóa số 114/A-ANH HĐKT 08/2018 ngày 01/8/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

3. Về án phí: Công ty TNHH cơ khí và vận tải H1 phải chịu 20.027.362 đồng (*hai mươi triệu không trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm sáu mươi hai đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Trả lại cho Công ty Cổ phần G(A) số tiền tạm ứng án phí 9.700.000đ (*chín triệu bảy trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003355 ngày 22/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Hện Phú Lương.

4. Quyền kháng cáo: Thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với nguyên đơn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết đối với bị đơn.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại khoản 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

**Nơi nhận:**

- VKSND Hện Phú Lương;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THA dân sự Hện Phú Lương;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; VP, TK, TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Ngọc Linh**